

Số: **453/2020/QĐST-HNGĐ**

*Tân Phú, ngày 01 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 355/2020/HNST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ Sinh năm: 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C;

Bị đơn : Ông Trần Văn H Sinh năm: 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1/22 N, phường T, quận T, Thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ cáo các Điều 55, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ Sinh năm: 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C;

Bị đơn : Ông Trần Văn H Sinh năm: 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1/22 N, phường T, quận T, Thành phố H;

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm Đ và ông Trần Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H theo giấy chứng nhận kết hôn số 60/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H ngày 23/8/2016 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

Về quan hệ con chung: Hai bên cùng thỏa thuận giao con chung tên Trần Ngọc Minh C sinh ngày 05/9/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cho bà Đ do ông H không yêu cầu.

Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp bà Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Đ.

Trong trường hợp ông H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà Đào hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng do bà Nguyễn Thị Cẩm Đ chịu được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020888 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn lại cho bà Đ số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu trên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.H;
- VKSND Q.T;
- UBND P. T, Q.T ;
- Chi cục THA.DS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phan Huỳnh Hoàng Phương**